

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM**

Số: 76 /2023/QĐST- HNGĐ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tp. Kon Tum, ngày 27 tháng 11 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 164/2023/TLST-HNGĐ ngày 01/11/2023. Giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Đào Thiện N, sinh năm 1975. Địa chỉ: Tổ 0, phường Duy T, thành phố K, tỉnh K.

2. Bị đơn: Chị Hoàng Thị Nh, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số 2 Ngụy N, tổ 1 phường Ngô M, thành phố K, tỉnh K.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự..

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17/11/2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 11 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Đào Thiện N và Chị Hoàng Thị Nh.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đào Thiện N và Chị Hoàng Thị Nh- thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Có 02 (hai) con chung:

+ Cháu Đào Vương B, sinh năm 2000 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Cháu Đào Vương S, sinh ngày 05.7.2011, giao cho anh Đào Thiện N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi con đủ 18 tuổi.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đào Thiện N không yêu cầu chị Hoàng Thị Nhung.

Sau ly hôn, chị Hoàng Thị N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Chị N không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

2.3. Về Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Căn cứ Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Đào Thiện N tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000547 ngày 01/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố K, tỉnh K. Hoàn trả lại cho anh Đào Thiện N 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Tp. K;
- Chi cục THADS Tp. K;
- UBND p. Quang T, TP K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

MAI THỊ THU

